

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm 2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	01 – 02
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	03 – 04
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	05 – 06
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	07 – 36



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/09/2025

Mẫu B 01 – DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		965.719.894.053	817.971.355.118
<i>I . Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110		20.862.297.746	9.079.421.336
1 . Tiền	111	VI.01	20.862.297.746	9.079.421.336
2 . Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II . Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III . Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		709.212.060.368	680.314.564.457
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.02	146.179.120.449	158.543.073.419
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.03	131.463.569.110	124.841.587.245
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.04	431.457.687.646	396.817.305.082
4 . Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.05	111.683.163	112.598.711
<i>IV . Hàng tồn kho</i>	140	VI.06	227.208.655.803	124.560.798.753
1 . Hàng tồn kho	141		227.208.655.803	124.560.798.753
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V . Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		8.436.880.136	4.016.570.512
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.07	2.160.454.186	3.986.220.211
2 . Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	VI.08	6.276.425.950	30.350.361
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.272.833.149.701	1.280.266.714.425
<i>I . Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		3.381.903.073	4.464.903.073
1 . Phải thu dài hạn khác	216	VI.04	3.381.903.073	4.464.903.073
<i>II . Tài sản cố định</i>	220		97.529.575.049	99.595.375.700
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	VI.09	12.875.398.271	14.755.651.267
- Nguyên giá	222		35.158.079.662	37.250.269.371
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.282.681.391)	(22.494.618.104)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	84.654.176.778	84.839.724.433
- Nguyên giá	228		86.197.204.623	86.197.204.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.543.027.845)	(1.357.480.190)
<i>III . Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV . Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		3.433.226.291	937.100.660
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.11	3.433.226.291	937.100.660
<i>V . Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	VI.12	1.162.970.365.997	1.168.047.465.560
1 . Đầu tư vào công ty con	251		887.256.000.000	887.256.000.000
2 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		26.000.000.000	26.000.000.000
3 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		112.200.000.000	112.200.000.000
4 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.485.634.003)	(4.408.534.440)
5 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		147.000.000.000	147.000.000.000
<i>VI . Tài sản dài hạn khác</i>	260		5.518.079.291	7.221.869.432
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.07	5.518.079.291	7.221.869.432
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.238.553.043.754	2.098.238.069.543

Các thuyết minh kèm theo từ trang 07 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30/09/2025

Mẫu B 01 – DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.133.072.519.305	1.012.355.101.047
I . Nợ ngắn hạn	310		965.072.519.305	813.555.101.047
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.13	21.860.919.538	31.416.434.170
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.14	33.599.093.646	4.634.203.138
3 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.08	511.758.439	10.244.766.805
4 . Phải trả người lao động	314		3.362.717.225	4.088.829.550
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.15	4.806.999.203	6.555.693.957
6 . Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.16	38.949.421.239	7.760.966.044
7 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.17	861.700.777.000	748.549.274.368
8 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		280.833.015	304.933.015
II . Nợ dài hạn	330		168.000.000.000	198.800.000.000
1 . Phải trả dài hạn khác	337	VI.16	8.000.000.000	8.800.000.000
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.17	160.000.000.000	190.000.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.105.480.524.449	1.085.882.968.496
I . Vốn chủ sở hữu	410	VI.18	1.105.480.524.449	1.085.882.968.496
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		956.538.590.000	956.538.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		956.538.590.000	956.538.590.000
2 . Thặng dư vốn cổ phần	412		19.004.385.000	19.004.385.000
3 . Quỹ đầu tư phát triển	418		3.152.481.800	3.152.481.800
4 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		126.785.067.649	107.187.511.696
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		107.187.511.696	24.457.244.699
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		19.597.555.953	82.730.266.997
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.238.553.043.754	2.098.238.069.543

Người lập biểu
Trương Thị Hồng Vân

Kế toán trưởng
Lê Thị Thương Thương

Phó Tổng Giám đốc
Trần Quang Trí
Ngày 29 tháng 10 năm 2025



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

Mẫu B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		575.764.958.587	840.813.894.453	1.892.823.360.527	2.189.406.098.545
2 . Các khoản giảm trừ doanh thu	02		18.413.692.824	31.544.545.452	50.510.637.174	53.020.098.107
3 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.01	557.351.265.763	809.269.349.001	1.842.312.723.353	2.136.386.000.438
4 . Giá vốn hàng bán	11	V.02	521.883.742.920	766.986.146.605	1.723.171.995.970	2.031.534.180.123
5 . Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.467.522.843	42.283.202.396	119.140.727.383	104.851.820.315
6 . Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.03	16.986.315.985	14.248.433.527	58.415.540.720	125.319.210.380
7 . Chi phí tài chính	22	V.04	17.250.342.910	17.794.530.484	62.887.626.542	55.656.632.162
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.973.500.678	17.794.385.638	57.796.497.816	55.656.487.316
8 . Chi phí bán hàng	25	V.05	18.153.249.271	25.969.739.228	69.491.118.838	80.922.172.519
9 . Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.06	12.645.517.108	7.938.235.536	31.379.102.477	29.839.744.602
10 . Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.404.729.539	4.829.130.675	13.798.420.246	63.752.481.412
11 . Thu nhập khác	31		3.529.488.763	1.844.406.989	8.362.108.192	8.235.558.265
12 . Chi phí khác	32		2.488.352.718	661.002.648	2.562.972.485	1.784.469.491
13 . Lợi nhuận khác	40	V.07	1.041.136.045	1.183.404.341	5.799.135.707	6.451.088.774
14 . Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.445.865.584	6.012.535.016	19.597.555.953	70.203.570.186

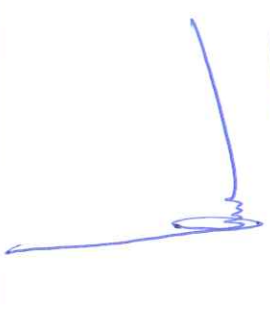


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
15 . Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
16 . Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17 . Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.445.865.584	6.012.535.016	19.597.555.953	70.203.570.186

 Người lập biểu Trương Thị Hồng Vân	 Kế toán trưởng Lê Thị Thương Thương	 Phó Tổng Giám đốc Trần Quang Trí Ngày 29 tháng 10 năm 2025
---	---	--



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	19.597.555.953	70.203.570.186
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.657.142.117	2.780.006.663
- Các khoản dự phòng	03	5.077.099.563	-
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(59.879.255.530)	(127.413.530.948)
- Chi phí lãi vay	06	57.796.497.816	55.656.487.316
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	25.249.039.919	1.226.533.217
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(21.672.185.118)	41.341.253.641
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(102.647.857.050)	98.978.293.186
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	43.360.872.858	(20.006.272.913)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	3.529.556.166	(922.721.309)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(57.798.950.097)	(56.400.575.065)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.768.404.951)	(404.706.772)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(24.100.000)	(211.240.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(115.772.028.273)	63.600.564.661
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(4.905.570.468)	(4.336.129.750)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	3.281.818.181	4.782.323.233
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(77.000.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	9.000.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	46.027.154.338	53.716.160.573
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	44.403.402.051	(13.837.645.944)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
- Tiền thu từ đi vay	33	1.939.376.304.561	1.963.078.523.971
- Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.856.224.801.929)	(2.031.284.845.767)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	83.151.502.632	(68.206.321.796)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	11.782.876.410	(18.443.403.079)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.079.421.336	27.998.841.626
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	20.862.297.746	9.555.438.547



Người lập biểu
Trương Thị Hồng Vân



Kế toán trưởng
Lê Thị Thương Thương



Phó Tổng Giám đốc
Trần Quang Trí
Ngày 29 tháng 10 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

I. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307979603 ngày 09 tháng 03 năm 2009, thay đổi lần 19 ngày 23 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là CTF kể từ ngày 30/5/2017 theo Quyết định số 159/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2017.

Vốn điều lệ đăng ký: 956.538.590.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại – dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt;
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại Số 218, Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty có các chi nhánh hoạt động như sau:

- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, Phường Bà Rịa, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam; Mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, Phường Bình Lợi Trung, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam; Mã số chi nhánh: 0307979603-003;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, Phường Tam Thắng, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam; Mã số chi nhánh: 0307979603-004;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 03 đặt tại số 124/9D Ung Văn Khiêm, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam; Mã số chi nhánh: 0307979603-005;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh 824 đặt tại 824 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam; Mã số chi nhánh: 0307979603-007.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tại ngày 30/09/2025, Công ty có 07 Công ty con như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1 đường C2, KCN Cát Lái 2, Phường Cát Lái, Tp. HCM.	Thương mại – Dịch vụ	96,00%	96,00%
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	51 Lê Hồng Phong, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà.	Thương mại – Dịch vụ	52,00%	52,00%
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	682A Trường Chinh, Phường Tân Bình, Tp. HCM.	Thương mại – Dịch vụ	96,52%	96,52%
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	224 Quốc lộ 51, Phường Long Hương, Tp. HCM.	Thương mại – Dịch vụ	100,00%	95,00%
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	Lô DVTM-08 và Lô DVTM-11, Đường số 7, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Tp. HCM.	Thương mại – Dịch vụ	90,00%	90,00%
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên	Thôn Đông Phước, Phường Tuy Hoà, Tỉnh Đắk Lắk.	Thương mại – Dịch vụ	70,20%	99,00%
Công ty Cổ phần VW Tân Thuận	Lô DVTM-08 Đường Số 7, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Tp. HCM.	Thương mại – Dịch vụ	99,00%	99,00%

Số lượng nhân viên của Công ty tại 30/09/2025: 264 người (Tại 31/12/2024: 226 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán của Công ty: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Công ty áp dụng theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hoá là các loại xe ô tô, giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	05 – 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm vi tính

Phần mềm vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 – 05 năm.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Phân loại:

- Chi phí trả trước ngắn hạn: phân bổ trong vòng 12 tháng;
- Chi phí trả trước dài hạn: phân bổ trên 12 tháng.

Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.
- Các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được phân loại là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Phân chia lợi nhuận:

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông:

Quỹ đầu tư và phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng quản trị của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa cũng như quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm các khoản thu nhập từ hoạt động tài chính của doanh nghiệp, chẳng hạn như:

- Lãi từ các khoản tiền gửi, cho vay
- Chênh lệch tỷ giá
- Lãi từ đầu tư vào công cụ tài chính
- Cổ tức từ các khoản đầu tư
- Lãi từ việc đầu tư vào chứng khoán hoặc tài sản tài chính khác.
- Thu nhập từ các khoản đầu tư tài chính mà doanh nghiệp thực hiện.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là các khoản chi phí mà doanh nghiệp phải trả liên quan đến hoạt động tài chính, bao gồm:

- Chi phí doanh nghiệp phải trả cho các khoản vay, bao gồm lãi vay ngân hàng, lãi vay từ các tổ chức tín dụng hoặc các khoản vay từ bên ngoài khác.
- Chênh lệch tỷ giá
- Chi phí bảo hiểm liên quan đến tài sản, công cụ tài chính mà doanh nghiệp đang sử dụng.
- Chi phí phát hành cổ phiếu, trái phiếu hoặc các công cụ tài chính khác.
- Chi phí khác liên quan đến tài chính.

Chi phí tài chính phải được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, tức là khi có sự cam kết hoặc khi doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ tài chính. Các chi phí tài chính phải được ghi nhận dồn tích vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Xác định giá trị hợp lý khi lập Báo cáo tài chính

Công ty không thực hiện xác giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính và các văn bản hiện hành chưa có hướng dẫn về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và các công cụ nợ tài chính.

Thuế

Công ty hạch toán và kê khai phát sinh về thuế theo chứng từ, hoá đơn phát sinh trong kỳ;

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của kỳ hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định nghĩa vụ thuế phải nộp đối với từng loại thuế của Công ty được áp dụng theo luật thuế đối với từng loại thuế và Luật quản lý thuế, số thuế phải nộp cuối cùng sẽ được Cơ Quan thuế quyết định khi kiểm tra quyết toán thuế tại Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	846.128.289	240.260.676
VND	846.128.289	240.260.676
Tiền gửi ngân hàng	20.016.169.457	8.839.160.660
VND	20.016.169.457	8.839.160.660
Cộng	20.862.297.746	9.079.421.336

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	146.179.120.449	158.543.073.419
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương	17.664.184.677	1.279.654.289
Công ty Truyền Tải Điện 4	9.640.025.455	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	118.874.910.317	157.263.419.130
Cộng	146.179.120.449	158.543.073.419

Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	131.463.569.110	124.841.587.245
Công ty TNHH Minh Long	124.494.380.723	123.594.379.437
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	6.969.188.387	1.247.207.808
Cộng	131.463.569.110	124.841.587.245

Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***4. PHẢI THU KHÁC**

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khác ngắn hạn	431.457.687.646	-	396.817.305.082	-
Phải thu khác từ Công ty Ford Việt Nam	40.080.222.684	-	21.214.406.153	-
Phải thu từ hợp đồng HTKD cho Công ty CP Easy Car	14.204.590.000	-	14.204.590.000	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	12.955.114.940	-	-	-
Ký quỹ cho Công ty TNHH Minh Long	137.160.000.000	-	137.160.000.000	-
Ký quỹ bảo lãnh ngân hàng	78.213.690.000	-	76.671.721.000	-
Ký cược, ký quỹ khác	435.383.580	-	420.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	8.354.799.920	-	4.319.850.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	140.053.886.522	-	142.826.737.929	-
Phải thu khác dài hạn	3.381.903.073	-	4.464.903.073	-
Ký cược, ký quỹ khác	3.381.903.073	-	4.464.903.073	-
Cộng	434.839.590.719	-	401.282.208.155	-

Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

5. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	30/09/2025		01/01/2025	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Tài sản thiếu chờ xử lý				
Hàng tồn kho tại kho HCM	-	97.697.266	-	98.612.814
Hàng tồn kho tại kho Vũng Tàu	-	13.985.897	-	13.985.897
Cộng		111.683.163		112.598.711

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. HÀNG TỒN KHO**

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng tồn kho				
Công cụ, dụng cụ	460.058.393	-	60.430.129	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.707.821.058	-	5.094.178.576	-
Hàng hoá	222.040.776.352	-	119.406.190.048	-
Cộng	227.208.655.803	-	124.560.798.753	-

Chi tiết hàng hoá tồn kho:

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Xe các loại	188.964.197.932		84.663.204.538	
Phụ tùng, phụ kiện	33.076.578.420		34.742.985.510	
Cộng	222.040.776.352	-	119.406.190.048	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.160.454.186	3.986.220.211
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	602.714.258	54.126.111
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.557.739.928	3.932.094.100
Chi phí trả trước dài hạn	5.518.079.291	7.221.869.432
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.521.205.090	1.409.641.414
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.996.874.201	5.812.228.018
Cộng	7.678.533.477	11.208.089.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU / PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Trong kỳ				30/09/2025	
	01/01/2025					
	Phải thu Nhà nước VND	Phải nộp Nhà nước VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/ khấu trừ VND	Phải thu Nhà nước VND	Phải nộp Nhà nước VND
Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước						
Thuế GTGT	30.350.361	4.049.185.145	184.947.461.565	194.963.227.997	6.276.425.950	279.494.302
Thuế GTGT hàng NK	-	-	56.936.321	56.936.321	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	48.264.771	48.264.771	-	-
Thuế TNDN	-	5.768.404.951	-	5.768.404.951	-	-
Thuế TNCN	-	427.176.709	1.448.151.587	1.643.064.159	-	232.264.137
Lệ phí môn bài	-	-	10.000.000	10.000.000	-	-
Cộng	30.350.361	10.244.766.805	186.510.814.244	202.489.898.199	6.276.425.950	511.758.439

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2025	8.539.688.456	9.997.119.686	17.749.286.436	964.174.793	37.250.269.371
Tăng trong kỳ	-	423.199.382	1.986.245.455	-	2.409.444.837
Mua trong kỳ	-	423.199.382	1.986.245.455	-	2.409.444.837
Giảm trong kỳ	-	-	4.501.634.546	-	4.501.634.546
Thanh lý, nhượng bán	-	-	4.501.634.546	-	4.501.634.546
Tại ngày 30/09/2025	8.539.688.456	10.420.319.068	15.233.897.345	964.174.793	35.158.079.662
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2025	8.539.688.456	7.479.978.660	5.605.956.524	868.994.464	22.494.618.104
Tăng trong kỳ	-	602.771.799	1.934.326.520	66.638.187	2.603.736.506
Khấu hao trong kỳ	-	470.629.755	1.934.326.520	66.638.187	2.471.594.462
Tăng khác	-	132.142.044	-	-	132.142.044
Giảm trong kỳ	-	-	2.728.741.176	86.932.043	2.815.673.219
Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.683.531.175	-	2.683.531.175
Giảm khác	-	-	45.210.001	86.932.043	132.142.044
Tại ngày 30/09/2025	8.539.688.456	8.082.750.459	4.811.541.868	848.700.608	22.282.681.391
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	-	2.517.141.026	12.143.329.912	95.180.329	14.755.651.267
Tại ngày 30/09/2025	-	2.337.568.609	10.422.355.477	115.474.185	12.875.398.271

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.775.741.705 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2025	84.022.474.623	2.174.730.000	86.197.204.623
Tại ngày 30/09/2025	84.022.474.623	2.174.730.000	86.197.204.623
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2025	-	1.357.480.190	1.357.480.190
Khấu hao trong kỳ	-	185.547.655	185.547.655
Tại ngày 30/09/2025	-	1.543.027.845	1.543.027.845
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2025	84.022.474.623	817.249.810	84.839.724.433
Tại ngày 30/09/2025	84.022.474.623	631.702.155	84.654.176.778

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 792.650.000 VND.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/09/2025	01/01/2025
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
Xây dựng cơ bản dở dang	3.433.226.291	937.100.660
Chi phí mua bản quyền phần mềm	68.500.000	68.500.000
Chi phí khảo sát công trình trên đất	868.600.660	868.600.660
Chi phí mua sắm TSCĐ	2.496.125.631	-
Cộng	3.433.226.291	937.100.660

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN*a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Công ty Cổ phần Daf Group	147.000.000.000	147.000.000.000	147.000.000.000	147.000.000.000
Cộng	147.000.000.000	147.000.000.000	147.000.000.000	147.000.000.000

Khoản đầu tư theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 2007/2023-HĐUTĐT/CTF-DAF ngày 20/07/2023 giữa Công ty Cổ phần City Auto và Công ty Cổ phần Daf Group. Số tiền mà bên Công ty Cổ phần City Auto ủy thác đầu tư là 147.000.000.000 đồng. Thời hạn ủy thác là 84 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	887.256.000.000	(9.485.634.003)		887.256.000.000	(4.143.549.102)	
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (1)	327.680.000.000	(3.503.483.573)		327.680.000.000	-	
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (2)	90.400.000.000	-		90.400.000.000	-	
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ (3)	144.000.000.000	-		144.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận (4)	108.000.000.000	-		108.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu (5)	57.000.000.000	(18.244.394)		57.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên (6)	39.000.000.000	(5.963.906.036)		39.000.000.000	(4.143.549.102)	
Công ty Cổ phần VW Tân Thuận (7)	121.176.000.000	-		121.176.000.000	-	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	26.000.000.000	-		26.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương	26.000.000.000	-		26.000.000.000	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	112.200.000.000	-		112.200.000.000	(264.985.338)	
Công ty Cổ phần Dasonmotors	112.200.000.000	-		112.200.000.000	(264.985.338)	
Cộng	1.025.456.000.000	(9.485.634.003)		1.025.456.000.000	(4.408.534.440)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MÀU B 09 – DN

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty:

Đầu tư vào công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	Phường Tân Bình, Tp. HCM	Đại lý ô tô	22.200.000	96,52%	96,52%
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Đại lý ô tô	6.240.000	52,00%	52,00%
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Phường Cát Lái, Tp. HCM	Đại lý ô tô	14.400.000	96,00%	96,00%
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	Phường Tân Thuận, Tp. HCM	Đại lý ô tô	10.800.000	90,00%	90,00%
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Phường Long Hương, Tp. HCM	Đại lý ô tô	5.700.000	100,00%	95,00%
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên	Phường Tuy Hoà, Tỉnh Đắk Lắk	Đại lý ô tô	1.950.000	70,20%	99,00%
Công ty Cổ phần VW Tân Thuận	Phường Tân Thuận, Tp. HCM	Đại lý ô tô	11.880.000	99,00%	99,00%
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết					
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương	Phường Dĩ An, Tp. HCM	Đại lý ô tô	2.600.000	20,00%	20,00%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
Công ty Cổ phần Dasonmotors	Phường Tân Thuận, Tp. HCM	Đại lý ô tô	11.220.000	11,00%	11,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐÓ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313964193 ngày 26/07/2024, Công ty Cổ phần City Auto đã nhận chuyển nhượng 22.200.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh từ các cổ đông với tổng giá trị chuyển nhượng là 327.680.000.000 đồng, tương đương 96,52% vốn điều lệ.
- (2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201649218 ngày 06/11/2024, Công ty Cổ phần City Auto đầu tư vào Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang là 90,4 tỷ đồng, tương đương 52,00% vốn điều lệ.
- (3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311016926 ngày 17/01/2024, Công ty Cổ phần City Auto đầu tư vào Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ là 144 tỷ đồng, tương đương 96,00% vốn điều lệ.
- (4) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316681972 ngày 07/07/2021, Công ty Cổ phần City Auto đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận là 108 tỷ đồng, tương đương 90,00% vốn điều lệ.
- (5) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502405823 ngày 19/09/2019, Công ty Cổ phần City Auto đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu là 57 tỷ đồng, tương đương 95,00% vốn điều lệ.
- (6) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4401098455 ngày 30/05/2022, Công ty Cổ phần City Auto đã nhận chuyển nhượng 1.950.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên từ cổ đông với tổng giá trị chuyển nhượng là 39.000.000.000 đồng, tương đương 39,00% vốn điều lệ. Trong đó:
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần City Auto trong Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên là 70,20%, trong đó tỷ lệ lợi ích trực tiếp là 39,00%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp (thông qua Công ty CP Ô tô Nha Trang) là 31,20%.
 - Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần City Auto trong Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên là 99,00%, trong đó tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 39,00%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp (thông qua Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang) là 60,00%.
- (7) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0317906770 ngày 06/11/2024, Công ty Cổ phần City Auto đã nhận chuyển nhượng 11.880.000 cổ phần của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận từ các cổ đông với tổng giá trị chuyển nhượng là 121.176.000.000 đồng, tương đương 99,00% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	21.860.919.538	21.860.919.538	31.416.434.170	31.416.434.170
Công Ty TNHH MTV Kinh Doanh Ô Tô Thanh Xuân	4.717.777.780	4.717.777.780	-	-
Công ty Cổ phần Auto Bình Phước	3.548.390.000	3.548.390.000	-	-
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	2.739.728.433	2.739.728.433	7.922.419.138	7.922.419.138
Đối tượng khác	10.855.023.325	10.855.023.325	23.494.015.032	23.494.015.032
Cộng	21.860.919.538	21.860.919.538	31.416.434.170	31.416.434.170

Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	33.599.093.646	4.634.203.138
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	26.086.583.893	-
Người mua khác trả tiền trước ngắn hạn	7.512.509.753	4.634.203.138
Cộng	33.599.093.646	4.634.203.138

Trong đó, người mua trả tiền trước là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.806.999.203	6.555.693.957
Chi phí đào tạo phải trả cho Công ty Ford Việt Nam	239.453.209	1.098.090.869
Chi phí lãi vay	-	2.452.281
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	4.567.545.994	5.455.150.807
Cộng	4.806.999.203	6.555.693.957

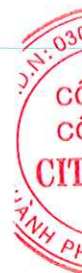
Trong đó, chi phí phải trả là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ **MẪU B 09 – DN**
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả khác ngắn hạn	38.949.421.239	7.760.966.044
Tài sản thừa chờ giải quyết	620.439.676	620.439.676
Kinh phí công đoàn	19.378.900	52.027.960
Bảo hiểm bắt buộc	200.340	328.333.710
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	17.000.000.000	-
Chi hộ Ford Việt Nam cho nhân viên bán hàng	-	400.020.425
Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam	16.500.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	4.809.402.323	6.360.144.273
Phải trả khác dài hạn	8.000.000.000	8.800.000.000
Công ty Cổ phần Auto Bình Phước	8.000.000.000	8.800.000.000
Cộng	46.949.421.239	16.560.966.044

Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09 – DN

17. VAY

Chi tiết các khoản vay:

		Trong kỳ		30/09/2025	
		01/01/2025			
		Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn		748.549.274.368	1.939.376.304.561	1.826.224.801.929	861.700.777.000
	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	(17.01)	120.884.084.000	284.601.036.000	132.498.412.000
	Ngân hàng TMCP Quân Đội		10.671.749.000	115.188.919.000	-
	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	(17.02)	155.397.190.000	408.811.900.000	162.855.686.000
	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	(17.03)	44.307.616.000	66.878.041.000	14.009.732.000
	Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển	(17.04)	43.405.539.867	164.452.009.561	34.809.835.000
	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	(17.05)	16.651.671.501	46.448.743.000	8.643.476.000
	Ngân hàng Bangkok Đại Chúng TNHH	(17.06)	130.000.000.000	186.917.756.000	52.000.000.000
	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	(17.07)	-	31.714.400.000	10.788.432.000
	Ngân hàng First Commercial Bank	(17.08)	115.000.000.000	115.000.000.000	100.000.000.000
	Ngân hàng TMCP Á Châu	(17.09)	52.231.424.000	412.749.172.000	231.095.204.000
	Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd.	(17.10)	-	110.000.000.000	55.000.000.000
	Vay dài hạn đến hạn trả		60.000.000.000	-	60.000.000.000
Vay dài hạn		190.000.000.000	-	30.000.000.000	160.000.000.000
	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(17.11)	250.000.000.000	-	220.000.000.000
	Vay dài hạn đến hạn trả		(60.000.000.000)	-	(60.000.000.000)
Cộng		938.549.274.368	1.939.376.304.561	1.856.224.801.929	1.021.700.777.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Mẫu B 09 – DN

VAY (tiếp theo)

(17.01) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam:

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Định theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0246/KHDN/25/HMCV ngày 04/06/2025 với tổng hạn mức vay là 250 tỷ đồng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 04 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 0246/KHDN/25/HĐBĐ ngày 29/05/2025.

(17.02) Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam:

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Chánh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 90/2024/11402179/HĐTD ngày 23/9/2024 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 91/2024/11402179/HĐTD ngày 15/11/2024 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100%, bất động sản hoặc tiền gửi.

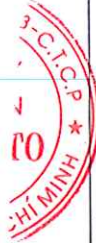
(17.03) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng:

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 19/2025/HHDM/CMB-CITYAUTO ngày 05/02/2025 với tổng hạn mức vay là 170 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành các loại bảo lãnh và phát hành LC bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: hợp đồng tiền gửi, số dư tài khoản, sổ tiết kiệm gửi tại VPBank và xe ô tô thương hiệu Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

(17.04) Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển:

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 441/2025/0022/HĐTDHM-DN/PGBankSG ngày 15/09/2025, Hợp đồng hạn mức thấu chi số 441/2025/0023/HĐHMT-C-DN/PGBankSG ngày 15/09/2025 và Phụ lục số 441/2025/0022.01/PLHDTDHM-DN/PGBankSG ngày 15/09/2025 với tổng hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng, thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh, tài trợ vốn để thanh toán tiền mua xe trực tiếp từ Công ty TNHH Ford Việt Nam. Tài sản đảm bảo cho khoản vay:

- Thế chấp xe ô tô Demo thuộc sở hữu của khách hàng;
- Thế chấp xe ô tô được phân phối từ Công ty TNHH Ford Việt Nam và hình thành từ vốn vay do PGBank tài trợ.
- Các loại tài sản đảm bảo khác đủ điều kiện bảo đảm theo quy định của PGBank trong từng thời kỳ;



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09 – DN

VAY (Tiếp theo)

(17.05) Ngân hàng TMCP Bảo Việt:

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0152-2024-HĐTD1-BVB003 ngày 17/07/2024 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm:

- Xe ô tô mới nhãn hiệu Ford hình thành trong tương lai do ngân hàng tài trợ được mua trực tiếp Công ty TNHH Ford Việt Nam.
- Hàng hóa xe ô tô mới tồn kho có thời hạn không quá 12 tháng, chỉ tiết về việc đảm bảo tiền vay được thực hiện theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 0091-2024-HĐTC1-BVB003 ngày 17/07/2024.
- Tiền ký quỹ và tiền gửi tại Ngân hàng, bất động sản và phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng khách hàng và/hoặc bên thứ 3 có liên quan theo quy định của Ngân hàng.

(17.06) Ngân hàng Bangkok Đại Chúng TNHH:

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Bangkok Đại Chúng TNHH theo hợp đồng tín dụng hạn mức số CP/HCM/007-23 ngày 19/05/2023 với tổng hạn mức vay là 130 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: cầm cố số dư ngân hàng bằng 20% hạn mức của hạn mức tín dụng tổng hợp, thư bảo lãnh cá nhân do ông Trần Ngọc Dân với số tiền là 104 tỷ đồng.

(17.07) Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 27/2024/HĐTD-HM/TTKD ngày 04/11/2024 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; Thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng; Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Tài sản đảm bảo: Xe Ford hình thành từ vốn vay hoặc xe có sẵn trong kho mới 100% và các biện pháp khác theo thỏa thuận với SeABank.

(17.08) Ngân hàng First Commercial Bank:

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số STLUS-H30240280 ngày 16/04/2025 với hạn mức vay là 100 tỷ đồng; bên vay được rút vốn nhiều lần trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Biện pháp đảm bảo:

- Tiền gửi có kỳ hạn: Bên vay phải cung cấp một khoản tiền bằng 40% giá trị giải ngân dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn để làm đảm bảo khi giải ngân. Vốn lưu động. Nếu tổng Dư nợ tại thời điểm thực hiện giải ngân vượt mức 70 tỷ đồng thì bên Vay phải cung cấp một khoản tiền bằng 50% của phần vượt trên 70 tỷ đồng dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn để làm đảm bảo khi giải ngân vốn lưu động.
- Bảo lãnh cá nhân: là (các) bảo lãnh do Ông Trần Ngọc Dân CCCD số: 027053004885 ký phát cho Ngân hàng hưởng lợi, với nội dung là những người bảo lãnh sẽ bảo lãnh một cách không hủy ngang và vô điều kiện với Ngân hàng về việc hoàn trả đúng hạn và dứt điểm khoản Tín dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09 – DN

VAY (Tiếp theo)

(17.09) Ngân hàng TMCP Á Châu:

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Á Châu theo hợp đồng cấp tín dụng số TAT.DN.6700.230625 ngày 05/07/2025 với tổng hạn mức tín dụng là 355 tỷ đồng; thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ tối đa không quá 05 tháng kể từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động mua bán xe mới 100% thương hiệu Ford; Phát hành các loại bảo lãnh trong nước: bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Vay thấu chi từ Ngân hàng TMCP Á Châu theo hợp đồng cấp tín dụng số TAT.DN.6738.230625 ngày 05/07/2025 với tổng hạn mức là 06 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; lãi suất cho vay 7,5%/năm được điều chỉnh 03 tháng/lần. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay:

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay, thấu chi này bao gồm:

- Toàn bộ số dư bao gồm số vốn gốc và lãi phát sinh của thẻ tiết kiệm/ hợp đồng tiền gửi/ tài khoản tiền gửi do ACB phát hành/ mở tài khoản;
- Toàn bộ lô hàng xe Ford mới 100% do ACB tài trợ là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc tài sản hình thành trong tương lai, bao gồm quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ thanh toán tiền, số tiền thu được, tài sản hình thành từ số tiền thu được, tài sản được thay thế, được trao đổi trong trường hợp tài sản bảo đảm được bán, được thay thế, được trao đổi và toàn bộ lô hàng xe đang thế chấp tại ACB theo các hợp đồng thế chấp, hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp/ phụ lục hợp đồng thế chấp mà Công ty đã ký với ACB;

(17.10) Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd.

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. theo thỏa thuận tín dụng số 6700114110016 ngày 13/03/2025 với hạn mức tín dụng là 55 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 01 năm; thời hạn của mỗi khoản vay là 120 ngày và được phép vượt quá ngày đáo hạn của hạn mức tín dụng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu. Biện pháp đảm bảo: tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. và hợp đồng bảo lãnh liên đới số 6700114110016-G ngày 13/03/2025 giữa ông Trần Ngọc Dân, Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô và Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd.

(17.11) Ngân hàng TMCP Tiên Phong:

Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng cho vay số 18/2023/HDTD/TTKHDNL MN2 ngày 23/10/2023 với số tiền vay là 250 tỷ đồng; thời gian vay tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên và không vượt quá thời gian vay còn lại theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/07/2023, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: thanh toán khoản nợ đã vay từ Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/07/2023 và các phụ lục hợp đồng (nếu có). Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được qui định cụ thể trong hợp đồng thế chấp số 90/2023/HĐBD/TTKHDNL MN2 ngày 15/11/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Mẫu B 09 – DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi của vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	893.964.630.000	19.004.385.000	3.152.481.800	87.031.204.699	1.003.152.701.499
Lãi trong kỳ	-	-	-	70.203.570.186	70.203.570.186
Giảm khác	-	-	-	(4.151.076.876)	(4.151.076.876)
Tại ngày 30/09/2024	893.964.630.000	19.004.385.000	3.152.481.800	153.083.698.009	1.069.205.194.809
Tại ngày 01/01/2025	956.538.590.000	19.004.385.000	3.152.481.800	107.187.511.696	1.085.882.968.496
Lãi trong kỳ	-	-	-	19.597.555.953	19.597.555.953
Tại ngày 30/09/2025	956.538.590.000	19.004.385.000	3.152.481.800	126.785.067.649	1.105.480.524.449

Cổ phiếu:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	95.653.859	89.396.463
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	95.653.859	89.396.463
Cổ phiếu phổ thông	95.653.859	89.396.463
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	95.653.859	89.396.463
Cổ phiếu phổ thông	95.653.859	89.396.463
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND/cổ phiếu	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ **MẪU B 09 – DN**
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

19. TÀI SẢN NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/09/2025	01/01/2025	Nguyên nhân xoá sổ
	VND	VND	
Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813	Không thu hồi được
Cộng	<u>5.356.110.813</u>	<u>5.356.110.813</u>	

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý III năm nay VND	Quý III năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hoá	538.732.487.243	799.229.499.836
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.507.895.052	41.584.394.627
Cộng	<u>575.764.958.587</u>	<u>840.813.894.453</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	983.833.361	16.363.636
Hàng bán bị trả lại	17.429.859.463	31.528.181.816
Cộng	<u>18.413.692.824</u>	<u>31.544.545.452</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>557.351.265.763</u>	<u>809.269.349.001</u>

Trong đó, doanh thu từ các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Quý III năm nay VND	Quý III năm trước VND
Doanh thu bán xe	513.177.608.742	763.218.147.721
Doanh thu bán phụ tùng	7.165.417.867	4.466.806.653
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.483.662.862	40.558.622.733
Doanh thu khác	1.524.576.292	1.025.771.894
Cộng	<u>557.351.265.763</u>	<u>809.269.349.001</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý III năm nay	Quý III năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hoá đã bán - Xe	496.072.970.944	739.519.015.132
Giá vốn hàng hoá đã bán - Phụ tùng	2.448.967.346	3.828.316.677
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	23.361.804.630	23.638.814.796
Cộng	521.883.742.920	766.986.146.605

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý III năm nay	Quý III năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	505.786.805	448.358.129
Lãi từ các khoản ký quỹ	14.146.769.180	13.800.075.398
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.333.760.000	-
Cộng	16.986.315.985	14.248.433.527

Trong đó, doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý III năm nay	Quý III năm trước
	VND	VND
Lãi vay, lãi trái phiếu	18.973.500.678	17.794.385.638
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	144.846
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(1.723.157.768)	-
Cộng	17.250.342.910	17.794.530.484

Trong đó, chi phí tài chính từ các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý III năm nay	Quý III năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.541.631.038	10.629.850.836
Chi phí khấu hao tài sản cố định	654.848.106	789.522.460
Chi phí hoa hồng bán hàng, khuyến mãi, hàng tặng	7.573.380.436	11.665.507.689
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.639.032.022	2.524.368.262
Chi phí bằng tiền khác	744.357.669	360.489.981
Cộng	18.153.249.271	25.969.739.228

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý III năm nay VND	Quý III năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.986.472.356	3.209.598.324
Chi phí vật liệu quản lý	1.022.706.060	345.439.325
Chi phí khấu hao tài sản cố định	228.931.296	118.357.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.929.555.829	3.925.967.044
Chi phí bằng tiền khác	1.477.851.567	338.873.715
Cộng	12.645.517.108	7.938.235.536

7. LỢI NHUẬN KHÁC

	Quý III năm nay VND	Quý III năm trước VND
Thu nhập khác		
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	312.403.960	-
Hỗ trợ từ Ford Việt Nam	2.252.300.000	1.716.850.000
Thu nhập khác	964.784.803	127.556.989
Cộng	3.529.488.763	1.844.406.989
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	2.487.420.112	179.943.867
Chi phí khác	932.606	481.058.781
Cộng	2.488.352.718	661.002.648
Lợi nhuận từ hoạt động khác	1.041.136.045	1.183.404.341

8. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Quý III năm nay VND	Quý III năm trước VND
Chi phí theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	522.906.448.980	766.986.146.605
Chi phí nhân công	11.528.103.394	13.839.449.160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	883.779.402	907.879.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.568.587.851	6.450.335.306
Chi phí bằng tiền khác	9.795.589.672	12.710.310.710
Cộng	552.682.509.299	800.894.121.369

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng	
Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Thành viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 20/05/2025)
Ông Trần Quang Trí	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phan Hoàng Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trần Long	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 20/05/2025)
Ông Trần Lâm	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03/01/2025)/ Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Hoàng Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đỗ Thị Như Duyên	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Trần Thị Ân	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Lê Thị Phú	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 28/10/2025)
Bà Lê Thị Thương Thương	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 28/10/2025)
Bên liên quan là các pháp nhân	
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	Công ty con
Công ty Cổ phần Auto Bình Phước	Công ty con
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	Công ty con
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên	Công ty con
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Công ty con
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần VW Tân Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	Chung thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ với các bên liên quan:

	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ Phải thu / (Phải trả)
	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	5.582.253.673	
Mua hàng, nhận dịch vụ	12.293.072.590	
Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.145.960.001
Phải thu khác ngắn hạn		4.814.872.435
Phải trả người bán ngắn hạn		(5.522.580)

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Mẫu B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ với các bên liên quan:

	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ Phải thu / (Phải trả)
	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần Auto Bình Phước		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	98.203.495	
Mua hàng, nhận dịch vụ	3.225.700.000	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		75.887.920
Phải trả người bán ngắn hạn		(3.548.390.000)
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		(29.220.939)
Các khoản phải trả dài hạn khác		(8.000.000.000)
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	209.981.753	
Mua hàng, nhận dịch vụ	6.861.432.988	
Cổ tức được chia	2.333.760.000	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		688.273.198
Phải thu khác ngắn hạn		7.833.413.214
Phải trả người bán ngắn hạn		(1.495.592.459)
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên		
Phải thu khách hàng ngắn hạn		250.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	114.076.589.208	
Mua hàng, nhận dịch vụ	133.217.629.929	
Lãi cho vay	149.589.039	
Cổ tức được chia	4.212.280.880	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		582.542.471
Trả trước cho người bán ngắn hạn		321.870.712
Phải thu khác ngắn hạn		24.906.108.866
Phải trả người bán ngắn hạn		(840.381.824)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		(588.892.175)

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Mẫu B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ Phải thu / (Phải trả)
	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	106.595.947.649	
Mua hàng, nhận dịch vụ	4.166.257.777	
Cổ tức được chia	6.409.074.060	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		1.406.472.439
Phải thu khác ngắn hạn		10.436.423.560
Phải trả người bán ngắn hạn		(2.739.728.433)
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		(1.738.111.493)
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu		
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		(17.000.000.000)
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	122.330.279.279	
Mua hàng, nhận dịch vụ	69.164.797.765	
Lãi cho vay	228.296.716	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		17.664.184.677
Trả trước cho người bán ngắn hạn		905.592.215
Phải thu khác ngắn hạn		3.695.427.402
Phải trả người bán ngắn hạn		(632.195.264)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	143.653.381.599	
Mua hàng, nhận dịch vụ	116.404.966.358	
Lãi cho vay	813.129.983	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		65.192.181
Trả trước cho người bán ngắn hạn		665.458.604
Phải thu khác ngắn hạn		1.532.129.983
Phải trả người bán ngắn hạn		(1.951.201.936)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		(26.086.583.893)
Chi phí phải trả ngắn hạn		(194.427.796)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ **MẪU B 09 – DN**
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ Phải thu / (Phải trả)
	VND	VND
Lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát		
Ông Trần Ngọc Dân	180.000.000	
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	23.225.806	
Ông Trần Quang Trí	540.875.000	
Ông Phan Hoàng Sơn	45.000.000	
Ông Trần Long	20.000.000	
Ông Trần Lâm	256.935.000	
Bà Hoàng Thị Thanh Hải	27.000.000	
Bà Đỗ Thị Như Duyên	27.000.000	
Bà Trần Thị Ân	27.000.000	

2. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12/2025/NQ-HĐQT-CTF ngày 08/10/2025 đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, cụ thể như sau:

- Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức năm 2024: 24/10/2025
- Ngày thanh toán: 07/11/2025
- Tỷ lệ thực hiện: 5%/Cổ phiếu (1 cổ phiếu nhận được 500 đồng)
- Hình thức chi trả: Bằng tiền

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

3. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không có bất kỳ các Quyết định của các Cơ quan quản lý nào buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



Người lập biểu
Trương Thị Hồng Vân



Kế toán trưởng
Lê Thị Thương Thương



Phó Tổng Giám đốc
Trần Quang Trí
Ngày 29 tháng 10 năm 2025